

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2019/HSPT
Ngày 20 tháng 03 năm 2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Bà Lê Thị Thu Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2018/HSPT ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2018/HSST ngày 15/11/2018 của TAND huyện T, tỉnh P.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22/11/1989 tại xã L, huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Đỗ Thị N; Có vợ Đoàn Thị Kim H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2018. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (Không triệu tập đến tòa)

1. Nguyễn Thành A (tên gọi khác: Còi), sinh ngày 01/6/1985 tại xã X, huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị L; Có vợ Bùi Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2014 bị tòa án nhân dân huyện T xử phạt 7.000.000đ về hành vi đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 4.720.000 đồng. Bị cáo đã thi hành xong hình phạt tiền và án phí 25/4/2015. Do đó theo quy định của pháp luật, tính đến ngày 02/5/2018, Nguyễn Thành A không bị coi là có án tích; Bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2018. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 10/6/1988 tại xã L, huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị L; Có vợ Vũ Thị P và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2014 bị tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về hành vi trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản bị B chiếm đoạt là 13.900.000 đồng. Bị cáo đã thi hành toàn bộ bản án ngày 17/7/2015. Đã được đương nhiên xóa án tích; Bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2018. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P.

3. Phạm Lam C, sinh ngày 01/12/2000 tại xã L, huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

4. Nguyễn Đình D, sinh ngày 20/9/1993 tại xã CH, thành phố V, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 3b, xã CH, thành phố V, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

5. Lê Văn B, sinh ngày 10/3/1983 tại xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện B, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Ngô Thị N; Có vợ: Lương Thị L và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 29/7/2018, đến ngày 02/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại.

6. Lê Văn G, sinh ngày 20/6/1975 tại xã T, huyện Ba V, thành phố H; Nơi cư trú: Xóm Vạn T Hà, xã T, huyện B, thành phố H; Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; Trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Ngô Thị T; Có vợ: Lê Thị V và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

7. Lê Văn AN, sinh ngày 12/10/1986 tại xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ 4, phường Tân T, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Lê Thị Y; Có vợ: Lê Thị N và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: A Nguyễn Đình D sinh ngày 20/9/1993 tại xã CH, thành phố V, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu 3b, xã CH, thành phố V, tỉnh P; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/5/2018, Lê Văn AN - sinh năm 1986 cư trú tại tổ 4, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cho tàu chở hàng BKS: NĐ - 1963 của mình neo đậu trên dòng sông Đà, khu vực đối diện bên đò xã Tân Phương thuộc khu 1, xã Tân Phương, huyện T, tỉnh P. Đến chiều cùng ngày, Lê Văn H - sinh năm 1970 cư trú tại Đội 1, thôn Đan T, xã Sơn Đ, huyện Ba, TP H đi cùng 2, 3 người lên tàu và hỏi A cho mượn chỗ ngồi để H cùng một số người đánh bạc, do nể nang và quen biết với H từ trước nên A đồng ý. H cùng một số người (do H đang bỏ trốn nên chưa xác định được dA tính của những người này) chuẩn bị dụng cụ và đánh bạc tại cabin tàu chở hàng của A. Đến khoảng 20 giờ, H gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành A - sinh năm 1985, cư trú tại khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P đến tàu của A để đánh bạc. A đồng ý gọi điện thoại rủ Nguyễn Đình D - sinh năm 1993 cư trú tại tổ 3B, xã CH, TP V, tỉnh P đi cùng. Sau đó, D đi taxi từ V đến khu vực đầu cầu T Hà thuộc xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh P điện thoại nhờ Phùng Đức G - sinh năm 1991 cư trú tại thôn Yên Kỳ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, TP Hà Nội đến đón. G đồng ý, lái xe ô tô BKS: 29C - 877.00 đến đón D, sau đó đón A tại khu 8, xã L, huyện T. Cả ba đi đến bến đò thuộc khu 1, xã Tân Phương. Tại đây A, D xuống xe, G đi về nhà. A điện thoại cho H cho thuyền vào bờ chở A và D lên tàu (A và D không biết người lái thuyền là ai). Khi lên tàu A thấy có H và một số người khác đang ngồi đánh bạc trong cabin bằng hình thức sóc đĩa ăn tiền, sẵn có 1.000.000đồng mang theo nên A ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng nhóm người này, D ngồi xem.

Hình thức đánh bạc được những người chơi thỏa thuận như sau: Người cầm cái sử dụng 04 quân vị hình tròn được cắt bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng cho vào lòng 01 chiếc đĩa sứ, sau đó úp 01 bát sứ lên trên cho kín các quân vị rồi lắc đều cho các quân vị thay đổi vị trí so với ban đầu. Khi lắc xong, người cầm cái đặt bát và đĩa xuống chiếu bạc và các đối tượng đánh bạc chọn một trong hai cửa chẵn hoặc lẻ, số tiền đặt cược tối thiểu 50.000đ/1 ván, không giới hạn số tiền lớn nhất. Khi mở bát ra nếu có 01 hoặc 03 quân vị úp hoặc ngửa cùng màu là lẻ, có 02 hoặc 04 quân vị úp, ngửa giống màu là chẵn. Người chơi đặt tiền bên tay phải người cầm cái là chẵn, bên trái là lẻ. Nếu người chơi đặt cược đúng bên chẵn hoặc lẻ khi mở bát thì được coi là thắng và sẽ nhận được số tiền từ người cầm cái bằng số tiền đặt cược, nếu không trùng là thua và mất toàn bộ số tiền đã bỏ ra đặt cược. Trong lúc đánh bạc A gọi điện thoại cho Nguyễn Văn B - sinh năm 1988 cư trú tại khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P rủ B ra tàu của A đánh bạc cùng mình. B đồng ý, điều khiển xe ô tô mang BKS: 19A - 172.86 đi ra bến đò Tân Phương, nhờ một người dân chài không rõ dA tính dùng thuyền đánh cá chở ra tàu của Lê Văn AN. Khoảng 21 giờ, B lên đến tàu. Lúc này B thấy H, A và một số người nữa đang ngồi đánh bạc. B không tham gia đánh bạc mà chỉ cùng D ngồi xem. Trong lúc nghỉ giải lao, A vay của B số tiền 30.000.000 đồng mục đích trả nợ. Đến gần 24 giờ cùng

ngày, Nguyễn Đình D và Nguyễn Văn B đi về trước. A, H và những đối tượng khác tiếp tục đánh bạc đến khoảng 6 giờ ngày 02/5/2018 thì A bị thua hết số tiền 1.000.000 đồng, mọi người nghỉ không đánh bạc nữa. A cũng về nhà và mang số tiền 30.000.000 đồng đã vay của B đi trả nợ cho A Bùi Văn HI – sinh năm 1985 cư trú tại khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P.

Khoảng 8 giờ ngày 02/5/2018, H lại gọi điện rủ Nguyễn Thành A tiếp tục lên tàu đánh bạc, A đồng ý và mang theo 10.000.000 đồng đi xe taxi đến bến đò Tân Phương. Sau đó, lên một chiếc thuyền nhỏ để ra tàu chở hàng của Lê Văn AN. Lên tàu, A cùng H và một số đối tượng tiếp tục đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa như ngày 01/5/2018 đến khoảng 13 giờ 30 phút, A bị thua khoảng 8.000.000 đồng nên nảy sinh ý định đánh bạc bịp để gỡ lại số tiền bị thua. Do biết Nguyễn Đình D có dụng cụ đánh bạc bịp nên A gọi bảo D mang máy đánh bạc bịp lên tàu để đánh. D đồng ý và mang theo bộ dụng cụ đánh bạc bịp gồm 04 quân vị được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được gắn chì có giấu con chip và một máy rung được gắn thiết bị thu tín hiệu từ quân vị (Bộ dụng cụ đánh bạc này được D mua ở khu vực quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội của một người D không biết tên tuổi, địa chỉ) rồi gọi điện cho Phùng Đức G chờ D ở đầu cầu T Hà đi có việc. Sau đó, D gọi taxi của A Phạm Tuấn A - sinh năm 1994, cư trú tại phường ThA Miếu, thành phố V, tỉnh P đi từ V đi sang cầu T Hà. Cùng lúc đó A gọi điện cho Nguyễn Văn B, nói với B là đang đánh bạc bị thua hết tiền bảo B mang cho vay 20.000.000 đồng, B đồng ý. Khoảng 16 giờ, Lê Văn G - sinh năm 1975 cư trú tại xóm Vạn T Hà, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP Hà Nội lái tàu chở hàng BKS: HN 1844 đi ngang qua tàu của Lê Văn AN, do quen biết từ trước nên G đã đi sang tàu của A chơi thì thấy có chiếu bạc trên tàu. Thấy vậy, G bỏ ra 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn B- sinh năm 1983 cư trú tại thôn Tân Tiến, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, TP Hà Nội đi nhờ một thuyền đánh cá (B không rõ người này ở đâu, tên tuổi là gì) lên tàu của Lê Văn AN để chơi. Khi lên tàu, B thấy mọi người đang đánh bạc. B bỏ ra 1.800.000 đồng cũng tham gia đánh bạc.

Khoảng 17 giờ ngày 02/5/2018, Nguyễn Đình D đến đầu cầu T Hà gặp Phùng Đức G, G dùng xe ô tô BKS: 29C - 877.00 chở D lên bến đò Tân Phương, G đi về nhà. D gọi điện cho A bảo A cho thuyền vào bờ đón lên tàu của Lê Văn AN. Khi lên tàu D thấy có H, A, G, Lê Văn B cùng một số người khác đang ngồi đánh bạc, D bỏ 400.000 đồng và cầm của A 3.000.000 đồng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, lợi dụng lúc không có ai để ý D đưa cho A 04 quân vị có gắn chip đã chuẩn bị sẵn để A tráo vào thay thế các quân vị ban đầu. A và D thống nhất đánh theo tín hiệu của D như đầu ngón cái chạm vào đầu ngón trỏ là chắn, đầu ngón cái chạm vào đốt thứ hai, thứ ba ngón trỏ là lẻ. Sau khi kết thúc đánh bạc toàn bộ số tiền thắng bạc sẽ chia đôi. Một lúc sau, A đã tráo được các quân vị vào thay thế các quân vị cũ và các đối tượng tiếp tục ngồi đánh bạc. Khoảng 18 giờ, Nguyễn Văn B cùng Nguyễn Xuân T - sinh năm 1989 cư trú tại khu 5, xã L, huyện T, tỉnh P; Phạm Lam C - sinh năm 2000 cư trú tại khu 8, xã L, huyện T, tỉnh P và Đỗ Văn D- sinh năm 2000 cư trú tại khu 1, xã

Thượng Nông, huyện Tam Nông, tỉnh P đi xe ô tô BKS: 19A - 172.86 của B đến bến đò Tân Phương. Đến nơi, B bảo D ở lại trông xe, còn B, C và T lên một chiếc thuyền đánh cá của A Lê Văn Phòng - sinh năm 1964 cư trú tại Đội 1, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, TP Hà Nội nhờ đưa ra tàu của Lê Văn AN. Khi lên tàu thấy A cùng mọi người đang đánh bạc, B đưa cho A 20.000.000đồng, A nói với B đại ý D và A đang chơi, lựa mà chơi. B hiểu ý, không nói gì, sẵn có 4.600.000 đồng, B lấy ra để tham gia đánh bạc cùng mọi người. Nguyễn Xuân T và Phạm Lam C chỉ ngồi xem và không tham gia đánh bạc. Đánh bạc đến khoảng 20 giờ 30 phút thì máy đánh bạc bị hỏng, Nguyễn Đình D lấy điện thoại nhắn tin cho A là " Hỏng rồi", sau đó đúc toàn bộ tiền đánh thắng bạc vào 02 túi quần không đánh bạc nữa đi ra ngoài cabin tàu gọi điện cho Phùng Đức G đến đón tại bến đò Tân Phương. Nguyễn Đình D xuống thuyền của một người dân chài, nhờ chèo vào bờ nhưng đi được một đoạn thì thuyền chèo D bị lật làm D ngã xuống sông. Thấy D kêu cứu nên mọi người trên tàu tổ chức cứu vớt D, đồng thời các con bạc giải tán không đánh nữa.

Sau khi kéo được Nguyễn Đình D từ dưới sông lên, một chiếc thuyền nhỏ chèo D cùng Nguyễn Thành A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Xuân T và Phạm Lam C đi vào bến đò thuộc xã Tân Phương, huyện T. Vào đến bờ, D lên bờ trước, A và B đi lên sau. Lúc này, A có nói với B : “Khả năng thắng này thắng, găm tiền về trước”. Thấy D không nói gì về việc chia số tiền thắng bạc mà đi thắng về phía xe của G để về thì A nói “Mày chơi bởi được bạc, bỏ về găm tiền không nói với ai”, B nói tiếp: “Mày đứng lại xem tiền nong thế nào”. Nhưng không thấy D đứng lại mà vẫn tiếp tục đi về phía xe của G nên B cầm chiếc đèn pin ném vào Nguyễn Đình D và bảo “Đánh cho nó một trận”. Thấy vậy, T lao vào dùng tay tát hai cái vào mặt D, C xông vào dùng chân, tay đâm đá, Đỗ Văn D đang ngồi trông xe cho B thấy vậy cũng chạy từ xe ô tô xuống dùng chân đá D. Bị đánh, Nguyễn Đình D bỏ chạy, A, C, T và Đỗ Văn D chạy đuổi theo, chạy được 2m thì D bị ngã nhưng vùng dậy cố chạy tiếp. Lúc này, B hô: “Đứng lại không được chạy”, D đứng lại và nói “Các A cho em xin, đừng đánh em nữa”. T nắm cổ áo sau của Nguyễn Đình D để không cho D chạy, tiếp đó, B nói “Bỏ hết tiền ra”. Khi nghe B nói vậy, D liền lấy toàn bộ số tiền trong túi quần đưa cho B (Do trước đó D bị ngã xuống sông nên số tiền này bị ướt, cả B và D đều không biết cụ thể số tiền này là bao nhiêu). T tiếp tục kiểm tra túi của Nguyễn Đình D nhưng không thấy còn tiền, B đưa số tiền bị ướt lấy được từ D cho T giữ. Cùng lúc đó, thấy D bị đánh nên Phùng Đức G đã chạy xuống can ngăn và xin hộ cho D thì B bảo T đưa lại cho Nguyễn Đình D 10.000.000 đồng uống nước, T rút 01 tập tiền trong số tiền ướt lấy được của D lúc trước không kiểm đếm đưa cho G. Số tiền này đã được G đưa lại cho D trên đường đưa D về và xác định được là 1.500.000 đồng. Sau khi đưa tiền cho Phùng Đức G, T đưa số tiền còn lại cho Phạm Lam C cầm, C đưa lại toàn bộ số tiền còn lại cho B. Sau đó, B, A, C, T và Đỗ Văn D đi cùng xe ô tô của B để về. Trên đường về, A hỏi vay B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để trả nợ, B đồng ý và đưa cho A 20.000.000đ tiền của B, rồi nói đại ý là số tiền ướt trong xe không kiểm đếm chính xác được để tính toán sau. Sau đó, A tiếp tục vay của B thêm 10.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000

đồng vay được của B đã được A đem đi trả nợ cho chị Nguyễn Thị Minh Hải - sinh năm 1980, cư trú tại khu 8, xã L, huyện T 10.000.000 đồng và A Nguyễn Văn Tiến - sinh năm 1990, ở khu 8, xã L, huyện T 20.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2018/HSST ngày 15/11/2018, TAND huyện T, tỉnh P đã:

Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T tù 30 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/5/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên đối với các bị cáo khác, tuyên về án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2018: Bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải B vụ án: xét thấy tại cấp phúc thẩm bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân T và đề nghị xử phạt T từ 18 đến 21 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T trong hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo xin giảm giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân T nhận thấy:

Ngày 02/5/2018, tại bến đò thuộc khu 1, xã Tân Phương, huyện T, tỉnh P. Nguyễn Xuân T đã cùng Nguyễn Thành A, Nguyễn Văn B, và Phạm Lam C dùng vũ lực chiếm đoạt số tiền 29.100.000 đồng của Nguyễn Đình D. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố Nguyễn Xuân T cùng đồng phạm phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi cướp tài sản của T cùng đồng phạm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, và sức khỏe của người khác là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường cho bị hại; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ

hình phạt. Ngoài ra bị cáo T có bố là thương binh và có công với cách mạng nên HĐXX sơ thẩm cho T hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS và áp dụng khoản 1, 3 điều 54 BLHS để B định xử phạt bị cáo 30 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Mặc dù, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng tình tiết bố của bị cáo là thương binh và có công với cách mạng làm tình tiết giảm nhẹ khác. Xong, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu xác định bố của bị cáo đã có thời gian hoạt động tại vùng bị nhiễm chất độc hóa học ảnh hưởng đến các con trong đó có A trai của bị cáo là A Nguyễn Xuân Thịnh bị ảnh hưởng mất 81% sức khỏe hiện đang do bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời Ủy ban nhân dân xã L cũng có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Xét thấy, có thể chấp nhận đây là tình tiết giảm nhẹ khác chưa được cấp sơ thẩm áp dụng. Mặt khác về vai trò bị cáo tham gia là người giúp sức, số tiền bị cáo T cùng đồng phạm chiếm đoạt là tiền do người bị hại có được từ hành vi phạm pháp luật. Do vậy, chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân T cũng như đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Các B định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2018/HSST ngày 15/11/2018 của TAND huyện T, tỉnh P về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân T.

[2] Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, 3 Điều 54 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T, phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 21 (Hai mươi một) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/5/2018.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h - Khoản 2 - Điều 23 Nghị B số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Bị cáo Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các B định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS huyện T;
- PV 27 CA tỉnh PT;
- TB UBND xã L
- Bị cáo;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương